TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

Bản án số 15/2018/HNGĐ-ST
Ngày 09.4.2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạm
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Đình Hoa
2. Bà Huỳnh Thị Lệ

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Ngô Khánh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng *tham gia phiên tòa:* Ông Võ Quang Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 434/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Tôn Nữ Diệu M – sinh năm 1986; (*Có mặt*)
- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Lương T – sinh năm 1982; (*Vắng mặt không có lý do*)

Cùng nơi cư trú: Số 113 đương A, phường H, quận L, TP. Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện ngày 30 tháng 10 năm 2017, Bản tự khai ngày 21 tháng 02 năm 2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Tôn Nữ Diệu M trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Lương T tự nguyện kết hôn vào năm 2007; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bình Hiên, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, bà và ông T chung sống tại 113 Âu Cơ, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T cờ bạc, đánh đập vợ con, sống không có trách nhiệm với gia đình. Bà M trước đây đã khởi kiện ly hôn với ông T tại Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu nhưng đã rút đơn với ly do cho ông T cơ hội để vợ chồng hàn gắn, cùng nhau nuôi dưỡng con cái. Tuy nhiên, mâu thuẫn của vợ chồng không được cải T mà ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà M yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn.

- Về con chung: Bà xác định bà và ông T có 03 con chung tên là Nguyễn Anh K – sinh ngày 01.12.2008, Nguyễn Anh Q – sinh ngày 01.12.2010 và Nguyễn Ngọc Quỳnh A – sinh ngày 15.03.2013. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác định bà và ông T không có tài sản chung, không nợ của ai và không có ai nợ của ông bà.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - ông Nguyễn Lương T không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án và không tham gia các phiên hòa giải. Tại phiên tòa, ông T vắng mặt lần hai, không có lý do.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại các điều 195, 196, 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Người tham gia tố tụng: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – bà Tôn Nữ Diệu M đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn – ông Nguyễn Lương T không tham gia quá trình tố tụng, không tham dự phiên tòa là đã không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81 Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M đối với ông T.

+ Về con chung: giao 03 con chung cho bà M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Nguyễn Lương T, nhưng tại phiên tòa ông T vẫn vắng mặt lần hai, không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung: Bà Tôn Nữ Diệu M và ông Nguyễn Lương T đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại Ủy ban nhân dân phường Bình Hiên, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Do vậy, hôn nhân giữa bà M và ông T là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà M và ông T, Hội đồng xét xử thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, ông T không có văn bản phản đối yêu cầu của bà M. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định: Trong quá trình chung sống, giữa bà M và ông T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T cờ bạc, đánh đập vợ con, sống không có trách nhiệm với gia đình. Qua xác minh tại địa phương thì ông T thường xuyên bỏ nhà đi và mâu thuẫn giữa bà M và ông T là có thật. Việc ông T không đến Tòa án để trình bày ý kiến và tham gia tố tụng đã thể hiện ông T không có mong muốn đoàn tụ, bỏ mặc cho mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà M và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của bà M đối với ông T, xử cho bà M được ly hôn với ông T.

Về con chung*:* Bà M và ông T có 03 con chung tên là Nguyễn Anh K – sinh ngày 01.12.2008, Nguyễn Anh Q – sinh ngày 01.12.2010 và Nguyễn Ngọc Quỳnh A – sinh ngày 15.03.2013. Bà M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Xét, các con chung hiện nay đang sinh sống ổn định cùng mẹ và đều có nguyện vọng được sống với mẹ, ông T không thể hiện ý kiến mong muốn nuôi con nên Hội đồng xét xử cần giao cả 03 con chung cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Bà M không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà M và ông T không có tài sản chung, không nợ của ai và không có ai nợ của ông bà nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà M phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Q hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, các Điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Tôn Nữ Diệu M đối với ông Nguyễn Lương T về việc "Tranh chấp ly hôn".

* Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Cho bà Tôn Nữ Diệu M được ly hôn với ông Nguyễn Lương T.

* Về con chung:

Xử: Giao 03 con chung tên là Nguyễn Anh K – sinh ngày 01.12.2008, Nguyễn Anh Q – sinh ngày 01.12.2010 và Nguyễn Ngọc Quỳnh A – sinh ngày 15.03.2013 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (*Đủ 18 tuổi*). Ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung và nợ chung: Bà M và ông T không có tài sản chung, không nợ của ai và không có ai nợ của ông bà.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* bà Tôn Nữ Diệu M phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn ngàn đồng)* đã nộp tại biên lai thu số 0000667 ngày 09 tháng 11 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu. Bà M đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND. quận Liên Chiểu;
- UBND. phường Bình Hiên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đạm